

HOSE 26/05/2014

VNINDEX 544.05 2.56 0.47%

KLGD 85,780,485 CP
GTGD 1,198.99 Tỷ
GTR NDTNN 37.77 Tỷ

CP Tăng giá 141 CP
CP Giảm giá 68 CP
CP Đứng giá 95 CP



Tâm điểm

► Chưa thể thoát khỏi trạng thái linh xình

► Thanh khoản thị trường giữ ở mức trung bình
Tổng giá trị giao dịch đạt mức khoảng 1,400 tỷ đồng

► Tháng 5 CPI cả nước tăng 0.2%

Đây là tháng tăng thứ 2 liên tiếp của chỉ số CPI sau khi giảm sâu vào tháng 3/2014
Trí Thức Trẻ

► Mỗi người Việt đang gánh 900 USD nợ công

Chỉ trong một thập kỷ, mức nợ công của Việt Nam đã tăng lên 4 lần
Trí Thức Trẻ

► ADB cảnh báo về một cuộc khủng hoảng tại Đông Nam Á

Thông tin từ Diễn đàn kinh tế thế giới về Đông Á
Vietnamplus

► BMP: Lợi nhuận sau thuế quý 1 đạt 83.4 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế của BMP trong quý 1/2014 đã tăng 4.6% so với cùng kỳ
Đầu tư Chứng khoán

► KTS: Đạt kế hoạch lãi ròng năm 2014 đạt gần 5.7 tỷ đồng

Bên cạnh đó, KTS cũng lên kế hoạch trả cổ tức 15-20%
Đầu tư Chứng khoán

HNX 26/5/2014

HNXINDEX 74.88 0.30 0.41%

KLGD 41,143,048 CP
GTGD 355.22 Tỷ
GTR NDTNN - 0.88 Tỷ

CP Tăng giá 113 CP
CP Giảm giá 69 CP
CP Đứng giá 197 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 596.24 1.89 0.32%
HNX30 148.93 0.79 0.53%

Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	953,398	13.1	2.9	20.8%	11.0%
HNX	120,559	18.2	1.6	6.7%	3.9%
Toàn bộ thị trường	1,073,957	15.0	2.8	19.6%	10.3%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,315	6.3	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,327	6.9	1.5	21.1%	15.3%
Thép và sản phẩm thép	35,647	20.9	2.0	18.1%	7.7%
Khai khoáng	11,881	54.1	5.1	1.9%	1.3%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,009	17.5	1.3	11.9%	8.6%
Xây dựng	27,282	- 28.6	1.0	-6.8%	1.3%
Máy công nghiệp	7,650	5.9	1.3	21.2%	14.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,549	13.1	1.3	15.0%	11.4%
Lốp xe	6,608	8.0	2.2	29.0%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	14,144	11.3	1.2	14.0%	6.3%
Thực phẩm	193,293	22.4	4.7	22.0%	17.1%
Dược phẩm	14,999	11.9	3.1	25.5%	16.8%
Phần mềm	15,919	9.8	2.0	22.1%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	21,486	- 5.4	1.1	-6.2%	3.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	181,102	15.2	4.8	32.9%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	25,722	20.9	2.1	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	21,898	12.2	1.2	8.1%	6.2%
Ngân hàng	232,894	10.5	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản	134,346	11.0	2.5	28.8%	7.3%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	35,465	9.3	1.9	20.5%	8.5%

Thống kê thị trường

- HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

VietinBankSc

306 Ba Triệu
Hai Bà Trưng
Hanoi
Vietnam
Tel: (844) 3974 7952
Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

► Tin kinh tế

Tháng 5 CPI cả nước tăng 0.2%

Tổng Cục Thống kê vừa công bố Chỉ số giá (CPI), chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 5/2014. Theo đó: CPI tháng 5 đã tăng 0.2% so với tháng trước. Đây là tháng tăng thứ 2 liên tiếp của chỉ số giá tiêu dùng sau khi giảm sâu vào tháng 3/2014. Với kết quả này CPI cả nước tháng 5 chỉ tăng 1.08% so với tháng 12/2013, tăng 4.72% so với tháng 5/2013. Ngoại trừ lương thực và bưu chính viễn thông bị giảm, các nhóm, mặt hàng còn lại có CPI tăng so với tháng trước, hoặc đứng giá (dịch vụ giáo dục).

Mỗi người Việt đang gánh 900 USD nợ công

Trên đồng hồ đo nợ công toàn cầu của The Economist, nợ công của Việt Nam tới sáng ngày 21/05 là 81.4 tỷ USD, tăng 11 % so với năm ngoái. Trung bình, mỗi người dân Việt đang gánh 900.13 USD nợ, chiếm 47.8 % GDP. Theo thang đánh giá, nợ công Việt Nam vẫn ở mức trung bình. Cách đây 10 năm, nợ công Việt Nam là 17.4 tỷ USD, bình quân 211 USD mỗi người. Như vậy, chỉ trong một thập kỷ, tổng nợ đã tăng hơn gấp 4. Nếu năm 2004, mỗi người Việt Nam chỉ gánh 211 USD nợ thì nay đã tăng hơn gấp 4, theo đồng hồ đo nợ công toàn cầu của tạp chí The Economist.

ADB cảnh báo về một cuộc khủng hoảng tại Đông Nam Á

Tại Diễn đàn kinh tế thế giới về Đông Á, Phó Chủ tịch ADB, Stephen Groff, nói rằng số vốn đầu tư của khu vực tư nhân rớt vào cơ sở hạ tầng tại 5 nước trong số những nước thành viên lớn nhất Đông Nam Á đã giảm mạnh ở mức 38 tỷ USD năm 2007 xuống khoảng 25 tỷ USD vào năm 2010. ADB cảnh báo, cuộc khủng hoảng đầu tư tư nhân vào lĩnh vực cơ sở hạ tầng vẫn chưa phục hồi từ sau cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997-1998.

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

► Tin doanh nghiệp

BMP: Lợi nhuận sau thuế quý 1 đạt 83.4 tỷ đồng

Quý 1, CTCP Nhựa Bình Minh (HOSE: BMP) ghi nhận doanh thu hợp nhất đạt 501.3 tỷ đồng, tăng trưởng 15% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt 83.4 tỷ đồng, tăng 4.6% so với cùng kỳ. Tính đến cuối tháng 3 công ty có khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 332 tỷ đồng. Công ty dùng khoản tiền này chủ yếu gửi ngân hàng. Năm nay lãi suất tiền gửi giảm mạnh bởi vậy doanh thu tài chính của Công ty giảm tới 60%, chỉ đạt 4.7 tỷ đồng. BMP gần như không vay nợ. Từ 9/6, Công ty sẽ chi trả cổ tức đợt 2 năm 2013 bằng tiền mặt tỷ lệ 20%.

KTS: Đặt kế hoạch lãi ròng năm 2014 đạt gần 5.7 tỷ đồng

ĐHČĐ thường niên năm 2014 của CTCP Đường Kon Tum (HNX: KTS) vừa diễn ra, đã thông qua kế hoạch hơn 271 tỷ đồng doanh thu, lợi nhuận sau thuế gần 5.7 tỷ đồng, cổ tức 15-20%. Cũng theo phương án hoạt động đầu tư, kinh doanh được ĐHCĐ thông qua, năm nay KTS dành 10.7 tỷ đồng đầu tư cho máy móc thiết bị. Trong đó chủ yếu là cải tạo, nâng cấp hệ thống thiết bị để nâng công suất ép đạt 2,000 tấn mía/ngày, nhằm chủ động thời gian sản xuất khi mía đủ độ chín, đồng thời nâng cao tỷ lệ thu hồi mía và đường. ĐHCĐ của KTS đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2013, với tỷ lệ 35% bằng tiền, trong đó đã tạm ứng 20%, phần còn lại sẽ được thanh toán trong thời gian tới.

BID: Đã hoàn tất phát hành đợt tăng vốn 5,100 tỷ đồng

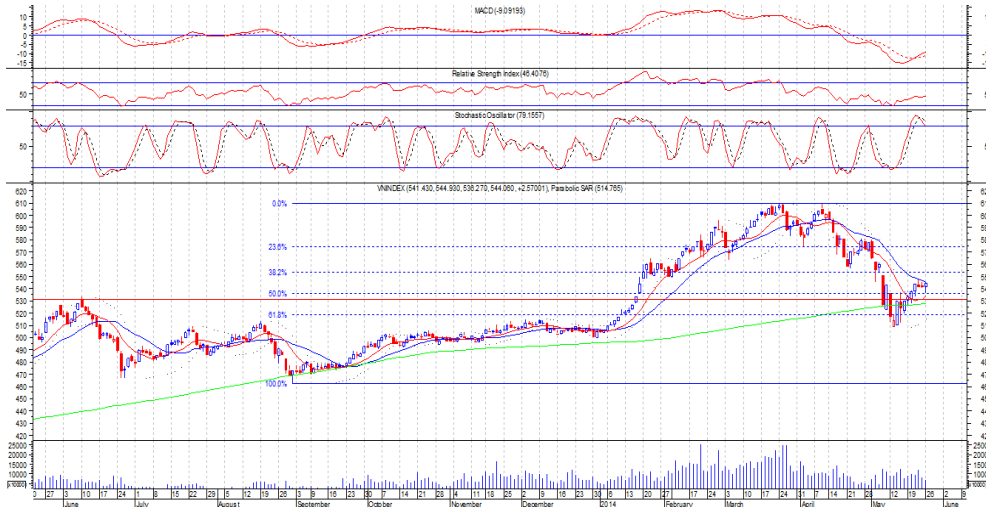
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV (HOSE: BID) báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành năm 2013. Theo đó, BIDV đã chào bán hết gần 405.85 triệu cp (tỷ lệ 17.64%) trong đợt tăng vốn từ giữa năm 2013. Bên cạnh đó, trong đợt tăng vốn lần này, BIDV cũng đã hoàn tất việc phát hành hơn 104 triệu cp trả cổ tức theo tỷ lệ 4.53%. Tổng vốn điều lệ tăng thêm từ đợt chào bán là 5,100 tỷ đồng. BIDV đã thực hiện bút toán ghi nhận tăng vốn điều lệ đối với số vốn thu được. Toàn bộ vốn thu được từ đợt phát hành trên đã được BIDV sử dụng để bổ sung nguồn vốn kinh doanh.

HOSE 26/05/2014 VNINDEX 544.05 2.56 0.47% 85,780,485 CP 1,198.99 bil VND

Chưa thể thoát khỏi trạng thái linh xình

VN-Index tăng 1.03 điểm (+0.19%), đóng cửa tại mức 542.52 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân ngắn, cây nến gần giống với nến Doji thứ 3 liên tiếp thể hiện sự lưỡng lự và giằng co của chỉ số này.

- MACD sau khi cho tín hiệu mua tiếp tục gia tăng.
- Stochastic Oscillator sắp đi ra khỏi ngưỡng quá mua.
- RSI giữ ở mức 46.
- VN-Index đang hồi phục khá tốt trở lại sau đợt giảm điểm mạnh, tuy nhiên nhịp hồi phục này sẽ gặp kháng cự mạnh tại vùng MA20, Fb 50% tương đương với 550 điểm.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.7 (6.7%)	11,965,990
HQC	0.2 (3.0%)	4,493,460
ITA	0.1 (1.3%)	3,692,010
DLG	0.5 (6.8%)	2,248,550
VHG	0.5 (6.6%)	2,019,600

HOSE Top 5 theo % tăng

DCT	0.2 (6.9%)	136,270
DLG	0.5 (6.8%)	2,248,550
FCM	0.8 (6.8%)	601,570
PTK	0.3 (6.8%)	1,369,550
CTI	0.8 (6.8%)	30

HOSE Top 5 theo % giảm

ACC	-2.1 (-6.8%)	660
SSC	-4 (-6.7%)	50
LGC	-1 (-6.6%)	6,200
TTP	-1.6 (-6.6%)	10
KAC	-0.8 (-6.6%)	230

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

BVH	7,1 tỷ	184,550
MSN	4,4 tỷ	48,480
STB	3,7 tỷ	201,420
VCB	3,5 tỷ	128,360
DPM	3,1 tỷ	97,140

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VIC	-10,0 tỷ	149,400
HAG	-2,0 tỷ	84,670
IJC	-1,6 tỷ	129,000
GAS	-1,2 tỷ	13,050
FLC	-0,8 tỷ	79,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	2,086,810	37.77

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT chịu áp lực giảm điểm khá mạnh ở phiên sáng, khi lực chốt lời tiếp tục xuất hiện. Tuy nhiên, đà tăng đã trở lại ở phiên chiều cùng với nhóm CP vốn hóa lớn.
- ▶ KLGD sụt giảm và đạt 70 triệu đơn vị. Khối lượng giao dịch ở mức trung bình. Đây cũng là giai đoạn chưa có nhiều kỳ vọng về sự đột biến ở thanh khoản.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 37 tỷ trong phiên hôm nay. Nhịp bán ròng có thể sẽ xuất hiện thương xuyên hơn sau giai đoạn mua ròng liên tiếp vừa rồi.
- ▶ VN-Index vẫn đang hồi phục khá tốt. Tuy nhiên tâm lý NĐT vẫn khá yếu khi phụ thuộc nhiều vào diễn biến ở Biển Đông. Khả năng VN-Index sẽ tích lũy ở vùng này.
- ▶ NĐT ngắn hạn có thể xem xét bán chốt lời ở vùng giá cao đối với cổ phiếu đã về tài khoản và có lời, hạn chế mở vị thế mua mới.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	92.5	175,287.50	15.6	4.9	33.4%	22.6%
VNM	833.4	123.0	102,512.79	16.3	5.5	36.4%	29.1%
MSN	734.9	91.0	66,876.93	198.4	4.5	2.2%	0.7%
VCB	2,317.4	27.3	63,265.49	13.8	1.4	10.4%	1.0%
VIC	894.2	67.0	59,914.11	8.0	3.8	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.6	54,361.71	8.6	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	14.6	41,043.56	9.0	1.2	14.2%	0.8%
BVH	680.5	39.3	26,742.53	20.9	2.1	10.0%	2.3%
HPG	481.9	51.0	24,577.32	10.4	2.4	25.0%	10.7%
PVD	275.3	81.5	22,433.54	10.5	2.2	21.7%	9.8%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

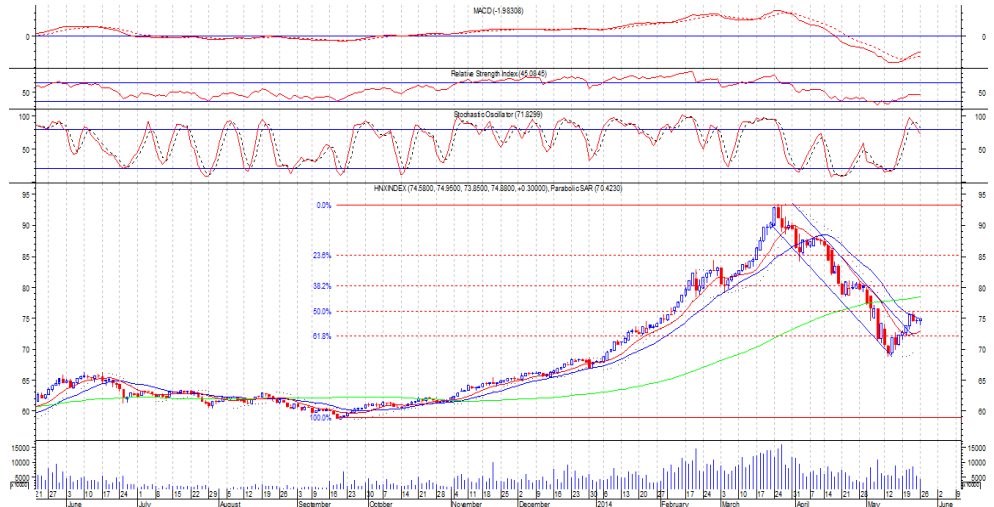
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	12.8	2,977.28	12.3	1.0	NA	TH.DOI
FPT	343.9	45.2	15,544.02	9.7	2.1	NA	TH.DOI
CII	112.9	18.4	2,076.65	14.7	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	66.0	3,001.58	8.0	1.9	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.2	680.40	4.8	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	19.2	530.11	1.9	0.9	NA	TH.DOI

HNX 26/05/2014 HNX-Index 74.88 0.30 0.41% 41,143,048 CP 355.22 bil. VND

Chưa thể thoát khỏi trạng thái linh xình

Chỉ số HNX-Index tăng 0.30 điểm (0.41%), đóng cửa tại mốc 74.88 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân ngắn, cây nến Doji thứ 3 liên tiếp thể hiện sự lưỡng lự và giằng co của thị trường.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator sau khi cho tín hiệu bán ra tiếp tục đi xuống.
- MACD sau khi cho tín hiệu mua vẫn tiếp tục gia tăng. Đây là một tín hiệu khá tích cực.
- RSI (14) giữ ở mức 45.
- HNX-Index vẫn đang gặp ngưỡng kháng cự khá mạnh tại MA20.



HNX Top 5 theo KLGD

SCR	0 (0.0%)	5,850,270
PVX	0 (0.0%)	5,542,290
SHB	-0.1 (-1.1%)	3,256,310
KLF	1 (9.6%)	3,004,900
KLS	0 (0.0%)	2,777,440

HNX Top 5 theo % tăng

SGH	48.5 (100.0%)	-
IDV	3 (10.0%)	9,600
LBE	1.2 (10.0%)	-
INC	0.6 (9.8%)	100
INN	1.9 (9.8%)	54,500

HNX Top 5 theo % giảm

TAG	-2.3 (-9.8%)	300
SED	-1.9 (-9.7%)	400
DNM	-3 (-9.7%)	5,100
DLR	-0.8 (-9.4%)	5,100
HCT	-1.1 (-9.4%)	100

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	3,1 tỷ	118,200
KLS	1,4 tỷ	130,000
VCG	1,3 tỷ	108,500
NTP	1,1 tỷ	15,000
CAN	0,7 tỷ	20,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

VND	-5,0 tỷ	345,500
SHB	-2,8 tỷ	314,700
CAP	-0,7 tỷ	22,500
NET	-0,2 tỷ	3,200
EBS	-0,2 tỷ	22,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-275,000	0.88

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT chịu áp lực giảm điểm khá mạnh ở phiên sáng, khi lực chốt lời tiếp tục xuất hiện. Tuy nhiên, đà tăng đã trở lại ở phiên chiều cùng với nhóm CP vốn hóa lớn.
- ▶ KLGD sụt giảm và đạt 41 triệu đơn vị. Khối lượng giao dịch ở mức trung bình. Đây cũng là giai đoạn chưa có nhiều kỳ vọng về sự đột biến ở thanh khoản.
- ▶ Khối ngoại bán ròng 881 triệu trong phiên hôm nay. Nhịp bán ròng có thể sẽ xuất hiện thường xuyên hơn sau giai đoạn mua ròng liên tiếp vừa rồi.
- ▶ HNX-Index vẫn đang hồi phục khá tốt. Tuy nhiên tâm lý NĐT vẫn khá yếu khi phụ thuộc nhiều vào diễn biến Biển Đông. Khả năng HNX-Index sẽ tích lũy vùng này.
- ▶ NĐT ngắn hạn có thể xem xét bán chốt lời ở vùng giá cao đối với cổ phiếu đã về tài khoản và có lời, hạn chế mở vị thế mua mới.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.5	14,101.60	18.5	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	26.1	11,658.88	7.6	1.4	19.3%	6.2%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	265.3	6.5	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	9.0	7,974.75	10.0	0.8	7.9%	0.7%
VCG	441.7	11.6	5,123.84	11.3	0.9	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.3	5,060.00	35.7	2.3	6.3%	3.1%
PVI	225.4	17.8	4,012.37	14.3	0.6	4.6%	2.1%
NTP	43.3	71.0	3,077.00	10.6	2.4	23.8%	16.0%
LAS	77.8	38.5	2,996.53	6.7	2.1	33.5%	17.5%
VNR	100.8	27.8	2,803.01	7.9	1.1	14.5%	7.0%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	26.9	1,022.20	6.5	1.1	NA	TH.DOI
AAA	19.8	17.9	354.42	6.7	0.6	NA	TH.DOI
VND	96.9	14.5	1,405.58	10.1	1.1	NA	TH.DOI
NTP	43.3	71.0	3,077.00	10.6	2.4	NA	TH.DOI
PVC	50.0	15.1	755.00	9.0	0.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	37.0	291.37	5.9	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	66,876.93	15.35%	91.0	198.37	4.45	138,946	152,596	358,912
VIC	HOSE	894.2	59,914.11	14.46%	67.0	8.00	3.82	312,780	501,799	527,347
HPG	HOSE	481.9	24,577.32	11.74%	51.0	10.38	2.38	612,216	679,976	844,166
PVD	HOSE	275.3	22,433.54	8.68%	81.5	10.46	2.17	340,133	390,213	496,617
DPM	HOSE	379.9	12,005.92	8.01%	31.6	6.36	1.38	1,309,956	1,269,648	1,401,822
HAG	HOSE	718.2	17,235.71	7.98%	24.0	14.25	1.31	4,003,737	3,417,276	4,287,625
VCB	HOSE	2,317.4	63,265.49	6.11%	27.3	13.84	1.39	730,564	741,670	913,283
STB	HOSE	1,142.5	20,907.96	4.13%	18.3	9.55	1.26	888,126	721,789	1,046,452
BVH	HOSE	680.5	26,742.53	3.08%	39.3	20.88	2.05	563,105	525,983	525,990
ITA	HOSE	718.1	5,744.60	2.71%	8.0	99.93	0.73	6,610,050	5,947,248	9,740,870
HSG	HOSE	96.3	4,257.04	2.68%	44.2	10.61	1.88	245,340	205,618	265,113
GMD	HOSE	114.4	3,375.44	2.26%	29.5	106.43	0.72	358,055	352,981	385,897
PPC	HOSE	318.2	6,585.80	2.03%	20.7	7.28	1.18	611,548	559,150	902,315
VSH	HOSE	206.2	3,176.12	1.74%	15.4	14.87	1.20	682,443	489,480	807,741
CSM	HOSE	67.3	2,584.01	1.64%	38.4	6.85	1.96	322,146	367,116	613,550
KBC	HOSE	289.8	2,926.58	1.48%	10.1	20.76	0.69	872,972	737,728	1,273,743
DRC	HOSE	83.1	3,671.86	1.33%	44.2	9.39	2.45	169,530	211,649	351,458
PVT	HOSE	232.6	2,977.28	1.18%	12.8	12.32	1.04	734,358	614,096	1,727,176
DIG	HOSE	143.0	2,073.44	1.01%	14.5	37.56	0.86	400,871	320,706	666,125
OGC	HOSE	300.0	3,150.00	0.91%	10.5	45.91	0.97	2,002,004	2,279,263	3,382,892
PET	HOSE	69.8	1,103.50	0.87%	15.8	7.22	0.86	454,916	439,661	749,078

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	11,658.88	5.37%	26.1	7.61	1.36	1,604,570	2,019,465	2,814,094
VIC	HOSE	894.2	59,914.11	8.00%	67.0	8.00	3.82	312,780	501,799	527,347
VCB	HOSE	2,317.4	63,265.49	7.00%	27.3	13.84	1.39	730,564	741,670	913,283
BVH	HOSE	680.5	26,742.53	6.50%	39.3	20.88	2.05	563,105	525,983	525,990
DPM	HOSE	379.9	12,005.92	5.79%	31.6	6.36	1.38	1,309,956	1,269,648	1,401,822
STB	HOSE	1,142.5	20,907.96	4.26%	18.3	9.55	1.26	888,126	721,789	1,046,452
PVD	HOSE	275.3	22,433.54	3.22%	81.5	10.46	2.17	340,133	390,213	496,617
ITA	HOSE	718.1	5,744.60	3.73%	8.0	99.93	0.73	6,610,050	5,947,248	9,740,870
SHB	HNX	886.1	7,974.75	2.86%	9.0	9.98	0.76	6,917,701	7,479,972	9,934,488
PPC	HOSE	318.2	6,585.80	1.58%	20.7	7.28	1.18	611,548	559,150	902,315
OGC	HOSE	300.0	3,150.00	2.33%	10.5	45.91	0.97	2,002,004	2,279,263	3,382,892
GMD	HOSE	114.4	3,375.44	1.62%	29.5	106.43	0.72	358,055	352,981	385,897
MSN	HOSE	734.9	66,876.93	8.00%	91.0	198.37	4.45	138,946	152,596	358,912
HAG	HOSE	718.2	17,235.71	2.83%	24.0	14.25	1.31	4,003,737	3,417,276	4,287,625
DRC	HOSE	83.1	3,671.86	1.28%	44.2	9.39	2.45	169,530	211,649	351,458
VCG	HNX	441.7	5,123.84	3.58%	11.6	11.30	0.91	2,476,828	1,962,950	3,213,311
PVT	HOSE	232.6	2,977.28	2.05%	12.8	12.32	1.04	734,358	614,096	1,727,176

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	59,914.11	0.00%	67.0	8.00	3.82	312,780	501,799	527,347
MSN	HOSE	734.9	66,876.93	0.00%	91.0	198.37	4.45	138,946	152,596	358,912
DPM	HOSE	379.9	12,005.92	0.00%	31.6	6.36	1.38	1,309,956	1,269,648	1,401,822
HAG	HOSE	718.2	17,235.71	0.00%	24.0	14.25	1.31	4,003,737	3,417,276	4,287,625
VCB	HOSE	2,317.4	63,265.49	0.00%	27.3	13.84	1.39	730,564	741,670	913,283
STB	HOSE	1,142.5	20,907.96	0.00%	18.3	9.55	1.26	888,126	721,789	1,046,452
BVH	HOSE	680.5	26,742.53	0.00%	39.3	20.88	2.05	563,105	525,983	525,990
CTG	HOSE	3,723.4	54,361.71	0.00%	14.6	8.64	0.99	538,298	509,839	1,010,292
GAS	HOSE	1,895.0	175,287.50	0.00%	92.5	15.58	4.94	476,210	537,215	427,341

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Royal Bank of Scotland
MSCI Frontier Markets Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

19/09/2011
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

9/142
22.25 mil.

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	66,876.93	0.81%	91.0	198.37	4.45	138,946	152,596	358,912
VIC	HOSE	894.2	59,914.11	0.55%	67.0	8.00	3.82	312,780	501,799	527,347
DPM	HOSE	379.9	12,005.92	0.26%	31.6	6.36	1.38	1,309,956	1,269,648	1,401,822
VCB	HOSE	2,317.4	63,265.49	0.20%	27.3	13.84	1.39	730,564	741,670	913,283
STB	HOSE	1,142.5	20,907.96	0.14%	18.3	9.55	1.26	888,126	721,789	1,046,452
BVH	HOSE	680.5	26,742.53	0.10%	39.3	20.88	2.05	563,105	525,983	525,990

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI Frontier 100 Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

12/09/2012
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

6/102
519.45 mil.

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI VN Investable Market Indx

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

01/12/2010

SLCKVN
TGTTSQL

4,752.96 mil.

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,315	6.3	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,327	6.9	1.5	21.1%	15.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,564	18.8	0.6	3.1%	2.0%
Sản xuất giấy	735	7.5	0.8	11.5%	5.9%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	35,647	20.9	2.0	18.1%	7.7%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,595	4.0	0.7	18.1%	3.8%
Khai khoáng	11,881	54.1	5.1	1.9%	1.3%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,009	17.5	1.3	11.9%	8.6%
Xây dựng	27,282	- 28.6	1.0	-6.8%	1.3%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,050	7.0	1.0	16.6%	8.7%
Công nghiệp phức hợp	338	3.2	0.7	21.8%	15.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,638	10.0	1.0	7.6%	3.7%
Thiết bị điện	1,589	- 15.3	0.6	-1.1%	-1.6%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	41	25.6	0.6	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	7,650	5.9	1.3	21.2%	14.6%
Vận tải					
Vận tải thủy	7,024	- 2.3	0.8	3.1%	0.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,549	13.1	1.3	15.0%	11.4%
Dịch vụ vận tải	5,320	7.9	1.3	18.2%	10.9%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	2,936	10.6	1.3	12.3%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	187	18.8	0.5	4.1%	1.6%
Nhà cung cấp thiết bị	174	8.1	0.8	10.1%	4.3%
Chất thải & Môi trường	164	2.5	0.8	35.2%	16.8%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,163	21.2	1.9	13.8%	8.1%
Lốp xe	6,608	8.0	2.2	29.0%	12.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,366	6.9	1.1	15.7%	8.9%
Vang & Rượu mạnh	263	10.4	1.9	20.5%	12.9%
Đồ uống & giải khát	269	7.7	1.4	14.2%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	14,144	11.3	1.2	14.0%	6.3%
Thực phẩm	193,293	22.4	4.7	22.0%	17.1%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	47	37.5	0.6	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,043	7.9	0.9	12.6%	6.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	133	8.0	1.2	13.5%	9.4%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	2,817	7.8	1.4	17.9%	7.1%
Giày dép	9	- 1.3	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	4,796	8.8	1.7	16.8%	9.1%
Thuốc lá					
Thuốc lá	717	- 8.6	1.1	-0.5%	4.1%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	795	14.3	0.8	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế	139	3.3	1.8	31.8%	13.0%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	166	7.9	1.0	13.2%	9.3%
Dược phẩm	14,999	11.9	3.1	25.5%	16.8%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	378	49.5	1.2	2.4%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	732	14.3	1.2	13.1%	8.6%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,008	8.1	1.2	14.4%	3.2%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,022	8.1	0.9	12.2%	8.1%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	165	7.2	3.1	52.7%	27.1%
Khách sạn	5,775	36.2	2.6	6.0%	3.2%
Dịch vụ giải trí	2,042	25.7	1.3	15.3%	12.9%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,105	20.6	1.8	15.0%	13.3%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	51	11.9	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	495	19.6	0.6	3.1%	1.2%
Internet	303	63.9	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm	15,919	9.8	2.0	22.1%	9.6%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	400	14.4	0.7	4.1%	1.6%
Thiết bị văn phòng	262	5.1	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,000	13.6	0.7	5.1%	3.6%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	21,486	-	5.4	1.1	-6.2%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	181,102	15.2	4.8	32.9%	22.1%
Nước	1,207	6.5	1.0	16.8%	11.2%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,134	5.0	0.7	15.1%	5.0%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,136	11.6	0.6	5.8%	2.7%
Tái bảo hiểm	2,803	7.9	1.1	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	25,722	20.9	2.1	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,120	45.9	1.0	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán	21,898	12.2	1.2	8.1%	6.2%
Ngân hàng					
Ngân hàng	232,894	10.5	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	134,346	11.0	2.5	28.8%	7.3%
Tur Vốn, Định giá, Môi giới Bất động sản	6	10.7	0.5	5.5%	2.5%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	35,465	9.3	1.9	20.5%	8.5%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.